TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ M** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13-7-2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ M, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần La Thăng và bà Đinh Thị Hồng Thủy.

***- T ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Thuận, T ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hoài M, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/5/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1990. (có mặt)
Địa chỉ: thôn 03 (mới), xã T, huyện B, Quảng Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988. (vắng mặt lần thứ hai)
Địa chỉ: thôn 03, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn B xây dựng gia đình vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trà Bui, huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 05/11/2012. Việc hôn nhân của anh chị được tiến hành trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B Tòng xuyên uống rượu về bạo lực gia đình. Anh B không có trách nhiệm với gia đình, Tòng xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ. Trong thời gian qua vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2017 cho đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 08/3/2008, Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/4/2010 và Nguyễn Thị Kim M, sinh

ngày 22/2/2015. Sau khi ly hôn chị nhận tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại các phiên làm việc không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn B được ly hôn; giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 08/3/2008, Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/4/2010 và Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 22/02/2015 cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn B tổ chức xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trà Bui, huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58 ngày 05/11/2012. Ngày 22/3/2021, nguyên đơn chị Hồ Thị T nộp đơn khởi kiện về tranh chấp ly hôn với anh Nguyễn Văn B, phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 28, điều 186, điều 188 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại thôn 03, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại điều 35, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Văn B kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 8 và điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Tòng xuyên cải vả, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Anh B Tòng xuyên uống rượu, không lo làm ăn. Anh B không có trách nhiệm với gia đình. Trong thời gian qua vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống mỗi nơi từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tiến hành hòa giải nhưng anh B vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh B không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc vợ con, không có nguyện vọng hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân xác định chị T và anh B không có xảy ra tình trạng bạo lực gia đình phải yêu cầu cơ quan chức năng giải quyết. Nhưng hiện nay, anh B Tòng xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ, thỉnh thoảng mới về nhà. Điều

đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị T đối với anh Nguyễn Văn B là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị T và anh B có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 08/3/2008, Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/4/2010 và Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 22/2/2015. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi các con. Xét thấy, các cháu Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Thị Kim M hiện đang sống với chị T, các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Còn anh B Tòng xuyên bỏ nhà đi đâu không rõ. Hơn nữa, anh B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có yêu cầu gì. Vì vậy, cần giao các cháu T, T và M cho chị T tiếp tục nuôi tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) theo quy định tại điều 81 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: chị Hồ Thị T thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2021 theo quy định của Chính phủ và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 35, điều 39, điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị T, sinh năm 1990 được ly hôn với anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1988.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 58 ngày 05/11/2012 của UBND xã Trà Bui, huyện Bắc Trà M, tỉnh Quảng Nam chấm dứt giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật).

Về con chung: có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 08/3/2008, Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 12/4/2010 và Nguyễn Thị Kim M, sinh ngày 22/2/2015. Giao cháu T, cháu T và cháu M cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: chị Hồ Thị T được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do thuộc trường hợp hộ nghèo năm 2021 và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày13/7/2021). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà M;
- Chi cục THADS huyện bắc Trà M;
- UBND xã Trà Bui, huyện Bắc Trà M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần La Thăng **Đinh Thị Hồng Thủy** **Lê Thanh Hải**